

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **293/2021/HSST**

Ngày 24 - 5- 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Hồng Ngọc

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

Ông Trần Văn Chánh

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 295/2021/TLST-HS ngày 12/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 262/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

**Đỗ Văn T**, sinh năm 1991 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký HKTT: thôn A, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: **Thợ sơn nước**; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn V, sinh năm 1964 và bà Đỗ Thị H, sinh năm 1965; Họ và tên vợ: Trần Thị P, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn nhất sinh 2012, con nhỏ nhất sinh 2016; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 29/11/2020, đến ngày 08/12/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa.

**- Bị hại:**

1. **Chị Vũ Thị P**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai

2. Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ A, Khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai

3. **Chị Lưu Thị Thanh T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ A, khu phố C, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh **Phạm Văn P**, sinh năm 1999  
Địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1978

2. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1967

3. Ông **Lưu Thanh T**, sinh năm 1962

4. Anh **Tạ Ngọc H**, sinh năm 1985

5. Anh **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1993

6. Anh **Lê Năng Đức T**, sinh năm 2003

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1974

( *Bị cáo T, chị P – có mặt; Chị T, anh V, anh P, ông K, ông T, bà X, anh H, anh H, anh T, bà C – vắng mặt*)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, nghiện game online. Để có tiền tiêu xài cá nhân, vào các ngày 02/8/2020 và 29/11/2020, Tiến đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 02 giờ ngày 02/8/2020, T đi bộ đến tiệm bạc Bảo M thuộc tổ 1, khu phố B, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai do chị Vũ Thị P, sinh năm 1978, thường trú tại Khu phố A, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai làm chủ. Thấy cửa tiệm khóa ngoài và không có người trông coi nên T dùng tua vít mang theo cạy khóa cửa kéo, làm sút bản lề rồi đột nhập vào bên trong tiệm bạc. T mở tủ lấy trộm 100 lắc tay, 40 chiếc nhẫn, 170 sợi dây chuyền, 120 mặt dây chuyền, 84 vòng tay, 01 mặt phật xanh, 02 nanh heo, 02 móng gấu tổng trọng lượng là 771 chỉ bạc và số tiền 520.000 đồng (Năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền mặt. T bỏ tài sản trộm cắp được vào một túi da có sẵn ở tiệm bạc Bảo M rồi mang đến tiệm internet (không rõ tên và địa chỉ) ở khu vực ngã tư Nguyễn K, phường TD, thành phố BH chơi game. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T liên hệ với một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) mua qua mạng xã hội hẹn gặp nhau tại đường tỉnh lộ 16 thuộc phường Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa và bán cho người này toàn bộ số bạc trộm cắp được với giá 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*). Số tiền trên cùng với 520.000 đồng (*năm trăm hai mươi nghìn đồng*) trộm cắp được T sử dụng chơi game và tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng vụ án: 100 lắc tay, 40 chiếc nhẫn, 170 sợi dây chuyền, 120 mặt dây chuyền, 84 vòng tay, 01 mặt phật xanh, 02 nanh heo, 02 móng gấu tổng trọng lượng là 771 chỉ bạc và số tiền 520.000 đồng (*năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền mặt là tài sản T đã trộm cắp của chị Vũ Thị P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa chưa thu hồi được.

Bản kết luận định giá tài sản số 62/TCKH-HĐĐG ngày 22/02/2021, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: 100 lắc tay, 40 chiếc nhẫn, 170 sợi dây chuyền, 120 mặt dây chuyền, 84 vòng tay có giá là 23.130.000 đồng (*hai mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*). Đối với 01 mặt phật xanh, 02 nanh heo và 02 móng gấu không đủ cơ sở để định giá.

Về dân sự: Chị Vũ Thị P yêu cầu T bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản định giá và bồi thường thêm tiền gia công là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

**Vụ thứ hai:** Khoảng 02 giờ ngày 29/11/2020, T đi bộ đến tiệm bạc trang sức “Thanh Tuyền” tại tổ A, khu phố C, phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai do chị Lưu Thị Thanh T, sinh năm 1989, thường trú tại tổ A, khu phố C, phường TD, thành phố BH làm chủ, thấy cửa tiệm trang sức đóng nhưng cửa cuốn khóa không sát đất nên T dùng hai tay nâng mạnh cửa cuốn lên làm bung bản lề rồi đột nhập vào bên trong lấy trộm tài sản là 168 sợi dây chuyền, 05 lắc tay, 01 nhẫn kim loại làm bằng bạc tổng trọng lượng 571 chỉ và bỏ vào một balo học sinh có sẵn trong tiệm bạc rồi mang đến tiệm internet “Cao T” địa chỉ tại tổ A, khu phố A, phường TD, thành phố BH do anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1993, thường trú tại A, tổ A, khu phố A, phường TD, thành phố BH làm chủ để chơi game và cất giấu tại đây. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T lấy ra 05 sợi dây chuyền nhờ Lê Năng Đức T, sinh năm 2003, thường trú tại A, tổ A, khu phố A, phường TD, thành phố BH chở đến tiệm bạc “Mạnh P” thuộc khu phố A, phường TD, thành phố BH bán cho anh Phạm Văn P, sinh năm 1999, thường trú tại tổ A, khu phố A, phường TD, thành phố BH được 3.190.000 đồng (*ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*). Sau đó, T chở T quay lại tiệm internet “Cao T” để tiếp tục chơi game thì bị Công an phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa kiểm tra hành chính tiệm internet “Cao T” thu giữ 163 sợi dây chuyền, 05 lắc tay, 01 nhẫn kim loại bằng bạc có tổng trọng lượng 460 chỉ, thu giữ trên người T số tiền 3.190.000 đồng (*ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*); Kiểm tra và thu giữ tại tiệm bạc “Mạnh P” 05 sợi dây chuyền bạc có tổng trọng lượng 111 chỉ. Công an phường Trảng Dài lập hồ sơ chuyển đến Công an thành phố Biên Hòa giải quyết. Tại Cơ quan điều tra, T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 168 sợi dây chuyền, 05 lắc tay, 01 nhẫn kim loại làm bằng bạc tổng trọng lượng 571 chỉ và 01 balo học sinh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác minh đây là tài sản của chị Lưu Thị Thanh T nên đã trả lại cho chị.

- Xe mô tô Wave RSX, biển số 60B1-030.11, số máy 5956376, số khung 049905 Lê Năng Đức T dùng chở Đỗ Văn T đi bán bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác minh đây là tài sản của chị Lê Thị C, chị C không biết T dùng xe chở Tiến đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên đã trả lại xe cho chị.

Số tiền 3.190.000 đồng (*ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) anh Phạm Văn P dùng để mua của T 05 sợi dây chuyền, anh P không biết số dây chuyền trên là tài sản T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh.

Bản kết luận định giá tài sản số 540/KL-HĐĐGTS ngày 04/12/2020, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận: 168 sợi dây chuyền kim loại bằng bạc, 05 lắc tay kim loại bằng bạc, 01 nhẫn kim loại bằng bạc tổng trọng lượng 571 chỉ có giá 17.130.000 đồng (*mười bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*).

Về dân sự: Chị Lưu Thị Thanh T và anh Phạm Văn P không yêu cầu bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 217/CT-VKSBH ngày 25/3/2021 và tại Công văn số 977/CV-VKSBH ngày 11/5/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo: Đỗ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo: từ 20 (*hai mươi*) tháng đến 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù.

Về dân sự:

- Tại phiên tòa, bị hại chị Vũ Thị P yêu cầu Đỗ Văn T bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản định giá và bồi thường thêm tiền gia công là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*) và bị cáo Đỗ Văn T đồng ý bồi thường cho chị Vũ Thị P số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

- Bị hại chị Lưu Thị Thanh T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn P không yêu cầu bồi thường.

Bị cáo Đỗ Văn T không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng. Lời nói sau cùng bị cáo Đỗ Văn T không nói gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp vật chứng, kết quả giám định. Qua đó, đã có đủ cơ sở để xác định: Đỗ Văn T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 02/8/2020, T đột nhập vào tiệm bạc Bảo M thuộc tổ A, khu phố B, phường TD, thành phố BH do chị Vũ Thị P làm chủ lấy trộm 100 lắc tay, 40 chiếc nhẫn, 170 sợi dây chuyền, 120 mặt dây chuyền, 84 vòng tay có giá trị 23.130.000 đồng (*hai mươi ba triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*) và số tiền 520.000 đồng (*năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền mặt. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, T bán toàn bộ số tài sản trộm cắp được cho một nam thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) với giá 9.000.000 đồng (*chín triệu đồng*).

- Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 29/11/2020, T đột nhập vào tiệm bạc trang sức “Thanh T” tại tổ A, khu phố C, phường TD, thành phố BH do chị Lưu Thị

Thanh T làm chủ lấy trộm 168 sợi dây chuyền, 05 lắc tay và 01 nhẫn kim loại làm bằng bạc có giá trị 17.130.000 đồng (*mười bảy triệu một trăm ba mươi nghìn đồng*). Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T lấy ra 05 sợi dây chuyền đưa đi bán được 3.190.000 đồng (*ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) thì bị bắt giữ xử lý theo quy định.

Tổng số tiền bị cáo Đỗ Văn T chiếm đoạt là 40.260.000 đồng (*bốn mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*). Do đó, đã có đủ căn cứ kết luận hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tù có thời hạn, tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo cũng như có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Vật chứng của vụ án:

- 100 lắc tay, 40 chiếc nhẫn, 170 sợi dây chuyền, 120 mặt dây chuyền, 84 vòng tay, 01 mặt Phật xanh, 02 nanh heo, 02 móng gấu tổng trọng lượng là 771 chỉ bạc và số tiền 520.000 đồng (*năm trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền mặt là tài sản Tiến đã trộm cắp của chị Vũ Thị P. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa chưa thu hồi được.

- 168 sợi dây chuyền, 05 lắc tay, 01 nhẫn kim loại làm bằng bạc tổng trọng lượng 571 chỉ và 01 balo học sinh. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác minh đây là tài sản của chị Lưu Thị Thanh T nên đã trả lại cho chị Lưu Thị Thanh T.

- Xe mô tô Wave RSX, biển số 60B1-030.11, số máy 5956376, số khung 049905 Lê Năng Đức T dùng chở Đỗ Văn T đi bán bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác minh đây là tài sản của chị Lê Thị C, chị Chiến không biết T dùng xe chở T đi tiêu thụ tài sản trộm cắp nên đã trả lại xe cho chị Lê Thị C.

- Số tiền 3.190.000 đồng (*ba triệu một trăm chín mươi nghìn đồng*) anh Phạm Văn P dùng để mua của T 05 sợi dây chuyền, anh P không biết số dây chuyền trên là tài sản T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh Phạm Văn P.

[6]. Về dân sự:

- Bị hại chị Vũ Thị P yêu cầu Đỗ Văn T bồi thường thiệt hại theo giá trị tài sản định giá và bồi thường thêm tiền gia công là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*) và bị cáo Đỗ Văn T đồng ý bồi thường cho chị Vũ Thị P số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

- Bị hại chị Lưu Thị Thanh T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn P không yêu cầu bồi thường.

Đối với Lê Năng Đức T có hành vi chở Đỗ Văn T đi bán 05 sợi dây chuyền bằng bạc nhưng T không biết số dây chuyền trên là tài sản do T trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý T về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với anh Phạm Thanh P có hành vi mua của Tiến 05 sợi dây chuyền bằng bạc nhưng anh P không biết số dây chuyền trên là tài sản do T trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý anh P về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T: **02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2020.

**2.** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 590 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo Đỗ Văn T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại chị Vũ Thị P số tiền là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*).

**3.** Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Đỗ Văn T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Người có mặt thời hạn tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt thời hạn tính từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa;
- Bộ phận T.H.A hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lê Hồng Ngọc**